

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26/01/2021

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân và bà Ngô Thị Thời.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 554/2020/ST-HNGĐ ngày 29/10/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1981; (Có mặt).

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị Ph**, sinh năm 1985; (Vắng mặt).

Đều đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số 01 Vũ Đình L, khu Thượng Đ, phường Tứ M, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Đỗ Văn Qu**, sinh năm 1953 và bà **Vũ Thị Ng**, sinh năm 1953.

Đều cư trú: Số 13 Vũ Đình L, khu Thượng Đ, phường Tứ M, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

+ Anh **Tổng Đình Kh**, sinh năm 1977 và chị **Đỗ Thị Đ1**, sinh năm 1984.

Đều cư trú: Số 195 Hiệp T1, xã Tam B, huyện Di L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Đỗ Thị Ph** kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống ở tại địa chỉ số 01 Vũ Đình L, khu Thượng Đ, P. Tứ M, TP. Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do công việc của anh chạy xe ô tô chở khách nên thường xuyên vắng nhà và có nhiều mối quan hệ xã hội. Chị **Ph** không thông cảm mà còn nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác, đối xử với anh

lạnh lùng, không quan tâm và chia sẻ cùng anh. Nên vợ chồng luôn xảy ra bất đồng, chửi bới và đánh nhau. Anh và chị Ph đã nhiều lần nói chuyện và bố mẹ tổ chức họp gia đình, để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tháng 5/2020, anh đã làm đơn ly hôn đến TAND TP. Hải Dương. Nhưng sau đó, anh rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi về chung sống, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, tuy sống chung một nhà nhưng không nói chuyện, chia sẻ và ăn ngủ cùng nhau, kinh tế của ai làm người đó quản lý và sử dụng. Nay, tình cảm vợ chồng rạn nứt quá lớn, anh không còn tình cảm với chị Ph nên anh tiếp tục làm đơn ly hôn. Chị Ph không đồng ý ly hôn với anh chỉ là gây khó khăn, tạo áp lực lấy lý do vì các con, nhưng thực chất giữa anh và chị Ph không còn thương yêu và tin tưởng nhau về tình cảm, sống ly thân từ đầu năm 2020. Nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Ph.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Nguyên Trung Q, sinh ngày 29/9/2002 và Đỗ Thảo Ng, sinh ngày 10/9/2004. Hiện cháu Q đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên anh không có ý kiến gì. Cháu Ng đang học cấp 3. Quan điểm của anh đề nghị giải quyết con chung theo nguyện vọng của cháu Ng. Nếu cháu Ng xin được ở với chị Ph, anh đồng ý và cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Ph.

- Về quan hệ tài sản chung, công sức đóng góp chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, mà để hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Khi khởi kiện, anh có yêu cầu giải quyết đối với số nợ chung của vợ chồng là nợ của ông Đỗ Văn Qu và bà Vũ Thị Ng (bố mẹ đẻ anh) số tiền 100.000.000đ; và nợ của anh Tống Đình Kh và chị Đỗ Thị Đ1 (vợ chồng em gái anh) số tiền 50.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về số nợ này, để các bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

** Theo tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn thể hiện:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng khoảng 06 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do công việc của anh Đ chạy xe, làm xa nhà nên anh Đ đã nảy sinh tình cảm với người phụ nữ khác, đối xử lạnh nhạt và không quan tâm đến chị và các con. Chị đã đọc được tin nhắn của người khác nhắn tin tình cảm với anh Đ. Chị tha thứ và cùng với bố mẹ đẻ anh Đ khuyên bảo anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không nghe. Khoảng tháng 5/2020, anh Đ làm đơn ly hôn đến Tòa án. Chị và anh Đ đã được Tòa án hòa giải. Nên anh Đ rút đơn khởi kiện. Sau khi rút đơn, anh Đ vẫn đối xử hờ hững, lạnh nhạt với chị. Chị đã cố gắng hòa hợp nhưng không có kết quả, vì cứ nói chuyện là xảy ra cãi nhau. Chị không còn biện pháp nào để cải thiện tình cảm giữa hai người. Hiện, vợ chồng vẫn sống chung một nhà, nhưng không ăn, ngủ cùng nhau được khoảng 02 tháng nay. Nay, anh Đ tiếp tục có đơn xin ly hôn, chị không đồng ý. Vì chị vẫn còn tình cảm với anh Đ và muốn các con sống cùng với cả bố và mẹ.

Chị chấp nhận cho anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh Đ trình bày. Nếu ly hôn thì chị xin được nuôi cháu Ng cho đến khi trưởng thành, cháu Q đã thành niên nên chị không có ý kiến gì. Việc cấp dưỡng nuôi cháu Ng do anh Đ tự nguyện, chị không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp chung: Nếu chị và anh Đ ly hôn, chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, mà để các bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Anh Đ trước đây có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ của bố mẹ chồng là 100.000.000đ và nợ của vợ chồng em gái anh Đ là vợ chồng chị Đ1, anh Kh số tiền 50.000.000đ. Nay, anh Đ rút yêu cầu giải quyết về số nợ này để các bên tự thỏa thuận, chị đồng ý.

Vì lý do công việc nên có thể chị không đến Tòa án giải quyết vụ án được. Trường hợp chị không đến Tòa án để giải quyết vụ án được thì đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị. Các văn bản tố tụng của Tòa án, nếu không giao được cho chị thì đề nghị giao cho bố chồng chị là ông Đỗ Văn Qu nhận thay, để giao lại cho chị.

** Theo lời khai của ông Đỗ Văn Qu (bố đẻ anh Đ) trình bày:* Anh Đ và chị Ph là vợ chồng. Quá trình chung sống, khoảng 02 năm gần đây, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và đánh nhau. Vợ chồng ông nhiều lần can thiệp và họp bàn gia đình hòa giải. Theo ông được biết, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là anh Đ chạy xe ô tô và có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông không có tài liệu chứng minh mà chỉ nghe qua điện thoại của anh Đ có người phụ nữ khác nói chuyện. Quan điểm của vợ chồng ông là mong muốn anh Đ, chị Ph đoàn tụ. Nếu anh Đ cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về số tiền nợ 100.000.000đ của vợ chồng ông, nay anh Đ có đơn xin rút khỏi kiện về khoản nợ này, vợ chồng ông nhất trí, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này, để các bên tự thỏa thuận.

** Theo đơn trình bày ý kiến, quan điểm của anh Tống Đình Kh:* Liên quan đến số tiền nợ 50.000.000đ mà vợ chồng anh Đ chị Ph vay của vợ chồng anh, anh Đ có đơn xin rút khỏi kiện về khoản nợ này, vợ chồng anh nhất trí, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này, để các bên tự thỏa thuận.

** Theo lời khai của cháu Đỗ Thảo Ng (con đẻ của anh Đ, chị Ph) trình bày:* Cuộc sống hàng ngày, bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra cãi nhau, không hạnh phúc, không ăn chung và ngủ chung với nhau. Bố mẹ cãi nhau cụ thể về nội dung gì, cháu không rõ. Cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ được ly hôn. Khi bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

** Đại diện khu dân cư Thượng Đ, P. Tứ M cung cấp:* Anh Đ và chị Ph là vợ chồng và sinh sống tại khu Thượng Đ, P. Tứ M, TP. Hải Dương. Quá trình chung sống, khu dân cư có nghe gia đình và người dân phản ánh, anh Đ và chị Ph mâu thuẫn khoảng 02 năm nay, cụ thể mâu thuẫn về nội dung gì thì không rõ.

Quan điểm của khu dân cư đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Đỗ Văn Đ giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết con chung. Anh đồng ý để chị Ph nuôi cháu Ng và anh không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Việc rút đơn khởi kiện về nợ chung là do anh hoàn toàn tự nguyện. Về quan hệ tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Cho anh Đ được ly hôn với chị Ph. Về con chung, cháu Q đã thành niên nên không xem xét giải quyết, còn cháu Ng, giao cho chị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng. Chấp nhận sự tự nguyện của đương sự về việc anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công sức đóng góp chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về nợ chung, anh Đ rút yêu cầu khởi kiện và các đương sự còn lại đồng ý, không yêu cầu giải quyết khoản nợ trong cùng vụ án này, nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này của anh Đ. Về án phí, anh Đ phải chịu án phí ly hôn, hoàn trả lại cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Hiện, bị đơn đang cư trú tại số 01 Vũ Đình L, khu Thượng Đ, phường Tứ M, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt và có đơn, ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người trên.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn Đ và chị Đỗ Thị Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tứ M, TP. Hải

Dương vào ngày 06/6/2008. Do vậy, hôn nhân của anh Đ và chị Ph là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng khoảng 06 năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn. Theo chị Ph và ông Ngan (bố đẻ anh Đ) trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn chính là do công việc của anh Đ làm nghề ô tô chở khách nên phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng không xuất trình tài liệu chứng minh. Anh Đ cho rằng chị Ph không thông cảm về công việc, nghi ngờ tình cảm của anh, và đối xử với anh lạnh nhạt. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Việc làm đơn ly hôn đến Tòa án lần này là lần thứ 2 của anh Đ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Chị Ph mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị Ph không có mặt. Xét thấy, anh Đ và chị Ph mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng không tin yêu nhau, sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, kéo dài và hôn nhân không hạnh phúc. Nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị Ph.

- Về con chung: Anh Đ và chị Ph 02 con chung là Đỗ Nguyên Trung Q, sinh ngày 29/9/2002 và Đỗ Thảo Ng, sinh ngày 10/9/2004. Khi ly hôn, chị Ph và anh Đ đều thống nhất quan điểm là cháu Q đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu Ng đề nghị để chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Ph không yêu cầu, anh Đ nhất trí. Xét yêu cầu trên của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng muốn được ở với mẹ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 83, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên giao cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng và chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Nay anh Đ có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về số nợ 100.000.000đ của vợ chồng ông Qu, bà Ng và số nợ 50.000.000đ của vợ chồng anh Kh, chị Đ1, để các bên tự thỏa thuận. Chị Ph, vợ chồng ông Qu, bà Ng, vợ chồng anh Kh, chị Đ1 đều nhất trí việc rút yêu cầu khởi kiện của anh Đ về số nợ này, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án, mà để các bên tự thỏa thuận với nhau. Xét yêu cầu trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Đ về số tiền nợ này.

[3]. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Do anh Đ rút yêu cầu khởi kiện về nợ chung nên hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho anh Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng

dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Đỗ Văn Đ được ly hôn chị Đỗ Thị Ph.

2. *Về quan hệ con chung*: Anh Đ và chị Ph có hai con chung là Đỗ Nguyên Trung Q, sinh ngày 29/9/2002 và Đỗ Thảo Ng, sinh ngày 10/9/2004.

Cháu Đỗ Nguyên Trung Q đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Giao cho chị Đỗ Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đỗ Thảo Ng cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về nợ chung của nguyên đơn anh Đỗ Văn Đ*. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại ở vụ án khác.

4. *Về án phí*: Anh Đỗ Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002606 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (đã thi hành xong).

Hoàn trả lại cho anh Đỗ Văn Đ 3.750.000đ (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2018/0002607 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND P. Tứ M, TP. Hải Dương;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà